

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGŨ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (2025 – 2026)
MÔN NGŨ VĂN, LỚP 12

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 12

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại	2 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%	5 câu 4 điểm 40%
		Thơ trữ tình hiện đại					
2	Viết	Viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm văn học	1* 20%	1* 20%	1* 10%	1* 10%	1 câu 6 điểm 60%
Tổng			30%	30%	20%	20%	100%
Tỉ lệ chung			60%		40%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
								40

		1.Truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại	Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại). - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại) như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật. - Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. - Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại hoặc hậu hiện đại trong tiểu thuyết và truyện ngắn. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. - Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.	2	1	1	1	
--	--	--	---	---	---	---	---	--

		- Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản. - Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại / hậu hiện đại), thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm. Vận dụng cao: - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.	
--	--	--	--

		2.Thơ trữ tình hiện đại Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại. - Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ. - Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ. Thông hiểu: - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ. - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mỹ của từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ. - Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ. Vận dụng:		
--	--	--	--	--

		- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ trong bài thơ. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.		
--	--	---	--	--

2	Viết	Nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.	Nhận biết: - Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết. Thông hiểu: - Lựa chọn được những cơ sở, căn cứ hợp lí, khoa học để so sánh. - Phân tích, chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. Vận dụng: Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan điểm riêng của cá nhân. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.	1 *	1 *	1 *	1 câu TL	60
				20%	40%	30%	10%	100
				60%		40%		%

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

*YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật....

- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tình cảnh thể của tác phẩm tiểu thuyết, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn thể hiện nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

*** TRI THỨC NGŨ VĂN**

1. Tiểu thuyết hiện đại

Tiểu thuyết là loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Từ những hình thái đầu tiên xuất hiện ở thời cổ đại, tiểu thuyết phát triển theo nhiều hướng khác nhau, tùy thuộc vào những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá, thẩm mỹ nhất định. Đến thời cận đại, hiện đại, tiểu thuyết đạt được bước tiến lớn, trở thành một thể loại chính của đời sống văn học và tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi, phát triển của nhiều thể loại khác.

Tiểu thuyết hiện đại là loại tiểu thuyết thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong tiểu thuyết hiện đại, giữa các xu hướng tìm tòi khác nhau có khoảng cách rất lớn. Điều này làm cho việc xác định diện mạo tiểu thuyết hiện đại trở nên phức tạp.

Tuy nhiên, nếu tạm bỏ qua những nét quả đặc biệt của từng xu hướng, có thể nói đến các đặc điểm lớn sau của tiểu thuyết hiện đại:

- Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi, không lí tưởng hoá hiện thực.
- Nhân vật là "con người nếm trải", không bất biến, có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.
- Có kết cấu nhiều tầng lớp tuyến tính hoặc phi tuyến tính, có sự đan xen của nhiều "bề" ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.
- Có khả năng tổng hợp cao mọi thành tựu hay kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.

2. Phong cách hiện thực

Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, quan tâm miêu tả một cách chi tiết, "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá. Phong cách này có lịch sử phát triển lâu dài, tồn tại trong các sáng tác thuộc nhiều thể

loại khác nhau của văn học, nghệ thuật như: thơ, truyện (bao gồm tiểu thuyết), kí, kịch, tác phẩm tạo hình... Trong văn học, phong cách hiện thực đạt đến đỉnh cao với những sáng tác thuộc trường phái hiện thực mà các đại diện tiêu biểu là S. Đích-ken (Ch. Dickens - Anh), H. đờ Ban-dắc (H. de Balzac Pháp), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoy - Nga), Ph. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky - Nga), Lỗ Tấn (Trung Quốc),... Trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, phong cách hiện thực gắn với tên tuổi và sáng tác của các nhà văn như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,... Phong cách hiện thực thường được đặt trong tương quan so sánh, đối lập với phong cách lãng mạn - một phong cách ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đôi khi lí tưởng hoá đối tượng được đề cập và coi trọng sự tưởng tượng, liên tưởng phóng túng.

3. Nói mỉa và nghịch ngữ

Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết đối với sự vật, sự việc được đề cập.

Trong nói mỉa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bĩu. Nói mỉa chủ yếu được nhận ra nhờ hiệu quả châm biếm mà lời nói mang lại. Trong các yếu tố tạo nên nói mỉa có thể có nghịch ngữ.

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề, nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

BÀI 2: NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

*** YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như ngôn ngữ hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.
- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

*** TRI THỨC NGŨ VĂN**

1. Biểu tượng

Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú, gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát.

Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài nên ý nghĩa không ngừng được bổ sung và có thể "sống" bên ngoài văn bản. Ngoài khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng, biểu tượng còn thể hiện được những quan niệm, triết lý sâu sắc về con người, cuộc sống. Do đó, quá trình hình thành biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lý văn hóa của dân tộc và thời đại. Trong sáng tác văn học, bên cạnh việc vận dụng những biểu tượng sẵn có, các nhà văn, nhà thơ thường sáng tạo nên những biểu tượng mới mang đậm dấu ấn cá nhân.

2. Yếu tố siêu thực trong thơ

Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu. Tuy nhiên, từ phía người sáng tác, sự hiện diện của những hình ảnh ấy hoàn toàn mang tính tự nhiên vì chúng gắn với việc "cắt lời" của tiềm thức, vô thức. Để khám phá được một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện tượng thông thường dễ thấy, các nhà thơ siêu thực theo đuổi "lối viết tự động", để ngòi bút "buông" theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức, từ đó, xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. Yếu tố siêu thực đã xuất hiện thoáng trong một số tác phẩm thơ thời trung đại hoặc thơ dân gian, nhưng chỉ trở thành hiện tượng thẩm mỹ đặc thù trong sáng tác của các nhà thơ theo chủ nghĩa siêu thực hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa này ở thời hiện đại.

3. Phong cách cổ điển

Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù. Theo phong cách này, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình ổn định, có tôn ti trật tự chặt chẽ, vận động theo quy luật tuần hoàn... Từ quan niệm về thế giới như vậy, phong cách cổ điển định hình với các đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc thẩm mỹ.

4. Phong cách lãng mạn

Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong tương quan so sánh với phong cách hiện thực, là hai phong cách nghệ thuật đã từng xuất hiện trong sáng tác văn học từ

thời cổ đại. Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với sự xuất hiện của chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học - nghệ thuật hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Tùy theo cảm hứng, thái độ của người cầm bút, chủ nghĩa lãng mạn được chia thành hai khuynh hướng: Khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ) và khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng).

Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng, chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.

B.YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố: nhân vật, người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình, đề tài, ... trong văn bản đọc hiểu.

2. Viết văn

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận: Viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/thơ (Phần Viết ở Bài 1, 2), (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 12 – **trang 27, 28, 32, 33, 34 và trang 52, 56, 57, 59**).

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ THAM KHẢO



(Đề có 02 trang)

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 12**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc bài thơ:

THU

Xuân Diệu

*(1) Nồn nà sương ngọc quanh thêm đậu;
Nắng nhỏ băng khuâng chiều lỡ thì.
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;
Cành biếc run run chân ý nhi.*

*(2) Gió thăm, mây lặng, dáng thu xa,
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.*

*Buôn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.*

*(3) Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm,
Hãy hãy thực nữ mắt như thuyền.
Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu,
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên.*

(Theo Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, tr.148, 149, 2006)

Chú thích:

- **Xuân Diệu** là nhà thơ lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Xuân Diệu mang đến cho thơ ca Việt Nam những cảm nhận mới về cái tôi cá nhân, những cách tân quan trọng về ngôn ngữ nghệ thuật: sự kết hợp từ ngữ mới mẻ chịu ảnh hưởng phương Tây, những hình ảnh độc đáo mang màu sắc tượng trưng,... Thơ Xuân Diệu đã góp phần đẩy mạnh quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam thế kỉ XX.

- **Thu** được in trong tập “Gửi hương cho gió” (1945)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Nêu đề tài của bài thơ? (0,5 điểm)

Câu 2. Vẻ đẹp của *thực nữ* được miêu tả qua những hình ảnh nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một phép tu từ trong câu thơ: (1,0 điểm)

*Gió thâm, mây lặng, dáng thu xa,
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.*

Câu 4. Suy nghĩ của anh/chị về cách tác giả cảm nhận bước đi của thời gian qua câu thơ: *Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.* (1,0 điểm)

Câu 5. Theo anh/chị việc quan sát, cảm nhận thiên nhiên, cuộc sống xung quanh có tác động như thế nào đến tâm hồn của mỗi con người? (trình bày 7-10 dòng) (1,0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Trước cảnh chiều thu, Anh Thơ viết:

*Mây sẫm lại trên ao đầy khói lớt
Bụi chuối vàng run đón gió bay qua.
Tiếng dế kêu rì rào bên rãnh nước
Nhịp chuông chiều vắng vắng mái chùa xa.*

*Ngoài ngõ lội, ông già lần bước gầy
Thăm đồng về lo lắng nước không vơi.
Trong bếp ướt mẹ cu ngồi sàng sây
Mắt bắn khoăn thỉnh thoảng ngược trông trời.*

*Trên đê gió, mục đồng từng gã một
Dắt dây trâu lơ đãng bước, quên đùa.
Trong khi ấy hai bên đồng ẽnh ộp
Vang trời chiều đưa những tiếng kêu mưa.*

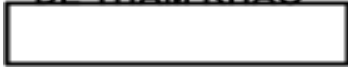
(Trích “Chiều thu”, Anh Thơ, *Bức tranh quê*, NXB Hội Nhà văn, 1995)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá bức tranh thu trong bài thơ “Chiều thu” của Anh Thơ và bài “Thu” của Xuân Diệu được trích ở phần Đọc hiểu.

ĐỀ 2

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ THAM KHẢO



ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 12

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề có 03 trang)

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản:

MÂY TRẮNG CÒN BAY

Bảo Ninh

(Lược phần đầu truyện: Nhân vật “tôi” (là một hành khách trên chuyến bay) kể về một bà cụ lần đầu tiên đi máy bay. Khi máy bay ra khỏi vùng thời tiết xấu, bà cụ thích thú nhìn ngắm mây bay bên ngoài cửa sổ và bắt chuyện với “tay vận comple” nhưng không được hẳn đáp lại. Bà cụ không ăn gì mà chỉ xin một cốc nước lúc cô tiếp viên mang đồ đến phục vụ. Khi máy bay bay qua vùng vĩ tuyến 17, nhân vật tôi thiu thiu ngủ thì bị đánh thức bởi tiếng quát của tay vận comple nạt bà cụ)

[...] Tôi giật bản mình. Tôi bị giăng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.

-Này, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xó bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thẳng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay nọ gần như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bùng bùng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, lặng phất, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bồng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhẹ nhẹ, bốc lên du dương, mờ mờ trong bầu không khí lạnh lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thả tỏa hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương

khí quyền ngồi sáng.

(Bảo Ninh, *Mây trắng còn bay*, NXB Trẻ, TP. HCM, 2008)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Người kể chuyện kể theo ngôi nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định nhân vật chính trong câu chuyện. (0,5 điểm)

Câu 3. Theo anh/chị tại sao cô tiếp viên “*Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn*”? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị ấn tượng với cách cư xử của nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 5. Từ góc nhìn của tuổi trẻ, theo anh/ chị thanh niên hiện nay cần làm gì để xoa dịu nỗi đau cho những nạn nhân của chiến tranh? (trình bày 7-10 dòng) (1,0 điểm)

II. VIẾT (6.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận, so sánh, đánh giá tác phẩm *Mây trắng còn bay* của Bảo Ninh, đoạn được trích ở phần Đọc hiểu với đoạn trích sau:

MỘT NGƯỜI HÀ NỘI Nguyễn Khải

(*Lược phần đầu* : Nhân vật tôi từ chiến khu về tiếp quản thủ đô và ghé qua nhà cô Hiền - chị em đôi, con di ruột với mẹ của anh. Qua lời kể của nhân vật tôi, cô Hiền là một người Hà Nội bình thường, vô danh nhưng cũng như những người Hà Nội bình thường khác, cô đã cùng Hà Nội, cùng đất nước trải qua những biến động, thăng trầm nhưng vẫn giữ được cốt cách Hà Nội, cái bản lĩnh văn hoá của người Hà Nội. Cô sống thẳng thắn, chân thành, không giấu giếm quan điểm, thái độ riêng của mình với mọi hiện tượng xung quanh...)

Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời còn son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành, chăm chỉ khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng: “Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập, khỏi sống bám vào các anh chị”. Là thôi hẳn.

Cô bảo tôi: “Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao”. Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm thìa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi: “Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng”. Có lần tôi cãi: “Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm”. Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo: “Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy”.

(Nguyễn Khải, *Một người Hà Nội*, NXB Giáo dục, 2008)

Chú thích:

- **Bảo Ninh** (18/10/1952) là nhà văn Việt Nam viết tiểu thuyết và truyện ngắn. Ông từng là học sinh trường Bưởi - Chu Văn An, từng tham chiến trong Chiến tranh Việt Nam và là tác giả tiểu thuyết nổi tiếng “Nỗi buồn chiến tranh”. Bằng trải nghiệm của riêng bản thân mình, bước ra từ thời chiến, Bảo Ninh mang trong mình

những suy tư nặng trĩu, những nỗi đau mất đi người thương ngay trước mắt, ông trải hết lòng vào trông áng văn.

Truyện ngắn “Mây trắng còn bay” ra đời vào năm 1975, vào thời kì đất nước trong giai đoạn đổi mới toàn diện

- **Nguyễn Khải** là cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Hành trình văn xuôi của ông tiêu biểu cho sự vận động của văn xuôi Việt Nam trước và sau 1975: Trước 1975, vẫn là cây bút giàu chất triết luận nhưng thể hiện cảm hứng lãng mạn đề cao ngợi cuộc sống mới, con người mới. Sau 1975, Nguyễn Khải quan tâm đến số phận con người cá nhân trong cuộc sống đời thường, chú ý đến tính cách, tư tưởng của con người trước những biến động của xã hội

Một người Hà Nội sáng tác năm 1990, in trong tập “Hà Nội trong mắt tôi”, tiêu biểu cho truyện ngắn của Nguyễn Khải thời kì đổi mới.

-----**HẾT**-----

